

UBND LONG BIÊN
TRƯỜNG TH GIA QUẤT

Số: 47/TB-THGQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Long Biên, ngày 22 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học - học kỳ II năm học 2023-2024.

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào Kế hoạch thực hiện công khai của nhà trường;

Trường TH Gia Quất thông báo niêm yết công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học – học kỳ II năm học 2023-2024, (có bảng kèm theo).

Vậy Trường TH Gia Quất thông báo các tới các đồng chí trong nhà trường được biết.

Thời gian: Từ ngày 22/5/2024 đến 22/6/2024.

Địa điểm: Tại bảng tin, đăng trên cổng TTĐT nhà trường.

Mọi tổ chức, cá nhân có kiến nghị, đề xuất xin liên lạc với đ/c Nguyễn Thị Phụng – Hiệu trưởng - Trường bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (SĐT: 0974.671.386)/.

Nơi nhận:

- Bảng tin thông báo; (để niêm yết)
- Lưu: VP.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Niềm yết công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học –
học kỳ II năm học 2023 - 2024

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào Kế hoạch thực hiện công khai của nhà trường;

Hôm nay, vào hồi 10h20' ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại: Phòng Hội đồng trường Tiểu học Gia Quất.

Thành phần gồm có:

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Phụng | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| 2. Bà Nguyễn Hồng Mai | Chức vụ: Phó Hiệu trưởng |
| 3. Bà Nguyễn Mai Vân | Chức vụ: CTCD |
| 4. Bà Lê Phương Hồng | Chức vụ: Kế toán |
| 5. Bà Nguyễn Thu Hương | Chức vụ: Trưởng ban TTND |
| 6. Bà Đỗ Thu Hằng | Chức vụ: NV văn phòng |

Đã tiến hành thực hiện niềm yết công khai: Thông tin chất lượng giáo dục tiểu học – học kỳ II năm học 2023-2024.

Thời gian công khai: Từ ngày 22/5/2024 đến 22/6/2024

Địa điểm niềm yết: Tại bảng tin, đăng trên cổng TTĐT nhà trường.

Biên bản lập xong vào hồi 11h00' cùng ngày, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

TRƯỞNG GIÁM HIỆU

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Lê Phương Hồng



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phụng

Đỗ Thu Hằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KẾT THÚC
Niêm yết công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học –
học kỳ II năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ vào Kế hoạch thực hiện công khai của nhà trường;

Hôm nay, vào hồi: 16h20' ngày 05 tháng 10 năm 2022, tại: Phòng Hội đồng trường Tiểu học Gia Quất.

Thành phần gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị Phương	Chức vụ: Hiệu trưởng
2. Bà Nguyễn Hồng Mai	Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
3. Bà Nguyễn Mai Vân	Chức vụ: CTCĐ
4. Bà Lê Phương Hồng	Chức vụ: Kế toán
5. Bà Nguyễn Thu Hường	Chức vụ: Trưởng ban TTND
6. Bà Đỗ Thu Hằng	Chức vụ: NV văn phòng

NỘI DUNG:

Tiến hành họp và lập biên bản kết thúc việc niêm yết công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học – học kỳ II năm học 2023-2024.

Bảng báo cáo thực hiện công khai: 01 bản

Thời gian đã được niêm yết: Từ ngày 22/5/2024 đến 22/6/2024

Địa điểm niêm yết: Tại bảng tin, đăng trên cổng TTĐT nhà trường.

Những ý kiến phản hồi trong thời gian niêm yết: Không có.

Nội dung khắc phục ý kiến thắc mắc: Không có

Thời gian khắc phục: Không. Kết quả: Không

Biên bản lập xong vào hồi 17h00' cùng ngày, đã được thông qua các thành phần dự họp cùng nghe và nhất trí.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

Lê Phương Hồng



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

Đỗ Thu Hằng

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :

Năm học: 2023-2024

Trường :

Tiểu học Gia Quất

1. Chất lượng giáo dục

	Số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 5					
			Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
1. Kết quả học tập								
1. Tiếng Việt	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		118	118	62				
Hoàn thành		53	53	18				
Chưa hoàn thành								
2. Toán	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		140	140	68				
Hoàn thành		31	31	12				
Chưa hoàn thành								
3. Đạo đức	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		115	115	61				
Hoàn thành		56	56	19				
Chưa hoàn thành								
4. Khoa học	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		140	140	64				
Hoàn thành		31	31	16				
Chưa hoàn thành								
5. LS &ĐL	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		132	132	62				
Hoàn thành		39	39	18				
Chưa hoàn thành								
6. Âm nhạc	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		61	61	38				
Hoàn thành		110	110	42				
Chưa hoàn thành								
7. Mỹ thuật	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		59	59	38				
Hoàn thành		112	112	42				
Chưa hoàn thành								
8. Thủ công, Kỹ thuật	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		99	99	52				
Hoàn thành		72	72	28				
Chưa hoàn thành								
9. Thể dục	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		61	61	34				
Hoàn thành		110	110	46				
Chưa hoàn thành								
10. Ngoại ngữ	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		82	82	42				
Hoàn thành		89	89	38				
Chưa hoàn thành								
11. Tin học	171	171	171	80				
Hoàn thành tốt		84	84	43				

Hoàn thành		87	87	37				
Chưa hoàn thành								
12. Tiếng dân tộc								
Hoàn thành tốt								
Hoàn thành								
Chưa hoàn thành								
II. Năng lực								
Tự phục vụ tự quản	171	171	171	80				
Tốt		124	124	67				
Đạt		47	47	13				
Cần cố gắng								
Hợp tác	171	171	171	80				
Tốt		103	103	53				
Đạt		68	68	27				
Cần cố gắng								
Tự học và giải quyết vấn đề	171	171	171	80				
Tốt		107	107	51				
Đạt		64	64	29				
Cần cố gắng								
III. Phẩm chất								
Chăm học chăm làm	171	171	171	80				
Tốt		114	114	57				
Đạt		57	57	23				
Cần cố gắng								
Tự tin trách nhiệm	171	171	171	80				
Tốt		99	99	53				
Đạt		72	72	27				
Cần cố gắng								
Trung thực kỷ luật	171	171	171	80				
Tốt		129	129	68				
Đạt		42	42	12				
Cần cố gắng								
Đoàn kết yêu thương	171	171	171	80				
Tốt		171	171	80				
Đạt								
Cần cố gắng								
IV. Khen thưởng		141	141	66				
- Giấy khen cấp trường		140	140	65				
- Giấy khen cấp trên		1	1	1				
V. HSĐT được trợ giảng								
VI. HS.K.Tật								
VII. HS bỏ học kỳ II								
Hoàn cảnh GDKK								
KK trong học tập								
Xa trường, đi lại K.khẩn								
Thiên tai, dịch bệnh								
Nguyên nhân khác								
VIII. Chương trình lớp học	171	171	171	80				
Hoàn thành	171	171	171	80				
Chưa hoàn thành								

2. Điểm số học sinh

	Số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 5					
			Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
1. Kết quả học tập								
1. Tiếng Việt								
Điểm 10	171	171	171	80				
Điểm 9		32	32	24				
Điểm 8		86	86	38				
Điểm 7		32	32	14				
Điểm 6		12	12	3				
Điểm 5		5	5	1				
Dưới điểm 5		4	4					
2. Toán								
Điểm 10	171	171	171	80				
Điểm 9		107	107	44				
Điểm 8		33	33	24				
Điểm 7		15	15	6				
Điểm 6		6	6	3				
Điểm 5		1	1					
Dưới điểm 5		9	9	3				
3. Khoa học								
Điểm 10	171	171	171	80				
Điểm 9		83	83	42				
Điểm 8		57	57	22				
Điểm 7		19	19	11				
Điểm 6		9	9	4				
Điểm 5		3	3	1				
Dưới điểm 5								
4. Lịch sử và Địa lý								
Điểm 10	171	171	171	80				
Điểm 9		78	78	36				
Điểm 8		54	54	26				
Điểm 7		16	16	7				
Điểm 6		14	14	7				
Điểm 5		7	7	4				
Dưới điểm 5		2	2					
5. Ngoại ngữ								
Điểm 10	171	171	171	80				
Điểm 9		19	19	11				
Điểm 8		63	63	31				
Điểm 7		33	33	14				
Điểm 6		27	27	12				
Điểm 5		12	12	6				
Dưới điểm 5		17	17	6				
6. TH-CN (Tin học)								
Điểm 10	171	171	171	80				
Điểm 9		26	26	16				
Điểm 8		57	57	27				
Điểm 7		34	34	13				
Điểm 6		26	26	13				
Điểm 5		12	12	5				
Dưới điểm 5		16	16	6				
7. Tiếng dân tộc								
Điểm 10								

2. Điểm số học sinh

	Số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 1				Lớp 2					Lớp 3					Lớp 4				
			Trong tổng số				Trong tổng số					Trong tổng số					Trong tổng số				
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	KT	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	KT	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	KT	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	KT
I. Kết quả học tập																					
1. Tiếng Việt	848	845	227	111	5	4	201	98	4	1		227	125	4	3		190	90	3	1	2
Điểm 10		148	55	39			36	30				40	34	1	1		17	11			
Điểm 9		390	90	33	2	1	84	42	2			110	62	2	1		106	56	1	1	
Điểm 8		199	55	27	1	1	46	16	1	1		55	20				43	16	1		1
Điểm 7		62	14	8	2	2	22	8	1			17	6				9	3			
Điểm 6		36	11	4			8	2				5	3	1	1		12	4	1		
Điểm 5		9	2				5										2				
Dưới điểm 5		1															1				1
2. Toán	848	845	227	111	5	4	201	98	4	1		227	125	4	3		190	90	3	1	2
Điểm 10		337	85	44	2	1	82	49	1			90	57	2	1		80	37	1	1	
Điểm 9		297	90	41			66	27	2	1		80	41	1	1		61	29	1		
Điểm 8		121	36	19	2	2	33	15	1			23	11				29	15			
Điểm 7		58	12	6	1	1	15	5				21	9				10	4	1		
Điểm 6		16	1				5	2				8	5	1	1		2	2			
Điểm 5		15	3	1								5	2				7	3			
Dưới điểm 5		1															1				1
3. TH-CN (Công nghệ)	419	417										227	125	4	3		190	90	3	1	2
Điểm 10		183										87	66	1	1		98	49	2	1	
Điểm 9		145										84	40	2	1		61	30			
Điểm 8		70										46	15				24	8	1		
Điểm 7		14										10	4	1	1		4	3			1
Điểm 6		1															1				
Điểm 5		1															1				
Dưới điểm 5		1															1				1
4. TH-CN (Tin học)	419	417										227	125	4	3		190	90	3	1	2
Điểm 10		86										49	33				37	24	1	1	
Điểm 9		137										77	39	1	1		60	28			
Điểm 8		81										36	16	1	1		45	22			1
Điểm 7		58										36	17	1			22	11			
Điểm 6		37										20	15	1	1		17	4	2		
Điểm 5		17										9	5				8	1			
Dưới điểm 5		1															1				1
5. Ngoại ngữ	419	417										227	125	4	3		190	90	3	1	2
Điểm 10		43										28	18				15	11			
Điểm 9		146										80	51	2	1		66	30			

[illegible]